

Bản án số: 92/2024/HNGĐ-ST
Ngày 29-8-2024
Về việc: Tranh chấp về thay đổi người
trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỤC YÊN, TỈNH YÊN BÁI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hà Thị Thu Hương
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Ngọc Minh và ông Trương Xuân Vũ.
- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Hoàng Ngọc Triều – Thư ký, Tòa án nhân dân huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái.
- Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái:** Bà Hoàng Thị Cẩm Tú - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 8 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 142/2024/ TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 6 năm 2024 về việc: “ *Tranh chấp về thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 96/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 8 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 58/2024/TB-XX ngày 14 tháng 8 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Trương Thị C**, sinh năm 1986. Vắng mặt, có lý do;
Bị đơn: Anh **Nguyễn Văn N**, sinh năm 1990. Vắng mặt, không có lý do.
Cùng địa chỉ: **Thôn K, xã K, huyện L, tỉnh Yên Bái.**

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, các tài liệu có trong hồ sơ nguyên đơn chị **Trương Thị C** trình bày:*

Chị và anh **Nguyễn Văn N** ly hôn theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các bên tham gia hoà giải tại Toà án số: 06/2024/QĐ-CNTTLH ngày 22/02/2024 của Toà án nhân dân huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái. Tại quyết định đã ghi nhận sự thoả thuận về nuôi con như sau: Anh **Nguyễn Văn N** trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu **Nguyễn Huy H**, sinh ngày 22/9/2015 và **Nguyễn Yên N1**, sinh ngày 03/3/2018 cho đến khi

đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi. Chị **Trương Thị C** không phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Sau khi ly hôn, anh **N** thường xuyên đi làm xa nhà, 2 con vẫn ở với chị. Chị là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 2 cháu. Anh **N** không gửi tiền cho chị nuôi con, chị cũng không có ý kiến gì. Đến tháng 5/2024, anh **N** mới đón cả hai con về nhà ông bà nội ở tại **thôn H, xã B, huyện N, tỉnh Nam Định**. Anh **N** vẫn thường xuyên đi làm ăn xa, các con về ở với ông bà nội. Hiện ông bà nội ngăn cấm, không cho con gặp chị, không cho con nói chuyện với chị qua điện thoại và chặn mọi liên lạc giữa chị với các con. Chị giao nộp cho Toà án file ghi âm cuộc gọi giữa chị và con, trong đó con khóc và nói ông bà không cho con nghe, gọi điện thoại với chị, các con phải chờ ông bà đi vắng mới lên lút gọi điện được cho chị.

Do đó, chị đề nghị Toà án giải quyết thay đổi người trực tiếp nuôi con đối với cháu **Nguyễn Yến N1**, sinh ngày 03/3/2018 từ anh **Nguyễn Văn N** sang cho chị **C** trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Chị không yêu cầu anh **N** phải cấp dưỡng nuôi con.

*Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã triệu tập họp lệ nhiều lần nhưng anh **Nguyễn Văn N** đều vắng mặt, không có lý do, không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.*

Quá trình giải quyết vụ án, chị **C** giao nộp tài liệu chứng cứ chứng minh về việc chị có nơi ở ổn định, có thu nhập để đảm bảo điều kiện cho việc nuôi dưỡng con và các file ghi âm cuộc hội thoại qua điện thoại giữa chị với con về việc các con bị ông bà nội ngăn cấm, không cho liên lạc với chị.

Toà án xác minh tại nơi cư trú của chị **C** và anh **N** xác định: Anh **N** có hộ khẩu thường trú tại **thôn K, xã K, huyện L**, anh **N** thường xuyên đi làm xa nhà. Sau khi ly hôn, 2 con vẫn ở với chị **C** và sinh hoạt, học tập bình thường. Đến khoảng tháng 5 năm 2024 anh **N** đón các con đưa về ở với ông bà nội, và có thông tin gia đình anh **N** ngăn cản, cản trở chị **C** thăm nom, gọi điện thoại cho các con. Chị **C** có nhà ở và có thu nhập để đảm bảo việc nuôi dưỡng con.

* Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Toà án đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật. Bị đơn được triệu tập họp lệ nhưng không đến Tòa án để tham gia phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ, chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 70,72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ các Điều 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình; căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, giao cho chị **Trương Thị C** trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu **Nguyễn Yên N1**, sinh ngày 03 tháng 3 năm 2018 cho đến khi đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi. Về cấp dưỡng nuôi con: Do đương sự không yêu cầu nên không xem xét.

Về án phí: Anh **Nguyễn Văn N** phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm về việc Thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn. Chị **Trương Thị C** không phải nộp tiền án phí và được trả lại 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Về quyền kháng cáo: Chị **C** và anh **N** có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị **Trương Thị C** khởi kiện về việc tranh chấp thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn. Tại thời điểm Tòa án xác minh, anh **Nguyễn Văn N** có hộ khẩu thường trú tại **thôn K, xã K, huyện L, tỉnh Yên Bái**. Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái.

Nguyên đơn chị **Trương Thị C** có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Bị đơn anh **Nguyễn Văn N** đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2 không có lý do. Căn cứ khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án giải quyết vụ án vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2] Về nội dung: Chị **Trương Thị C** khởi kiện anh **Nguyễn Văn N** về việc thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn đối với cháu **Nguyễn Yên N1**, sinh ngày 03 tháng 3 năm 2018. Theo quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các bên tham gia hoà giải tại Tòa án số 06/2024/QĐCNTTLH ngày 22/02/2024 của Tòa án nhân dân huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái, Tòa án đã giao cho anh **N** trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu **Nguyễn Yên N1** và cháu **Nguyễn Huy H**. Tuy nhiên, kể từ khi quyết định có hiệu lực pháp luật, anh **N** không dành thời gian để trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con mà để cho chị **C** nuôi dưỡng. Đến tháng 5 năm 2024, anh **N** đưa con về ở với ông bà nội tại **thôn H, xã B, huyện N, tỉnh Nam Định**. Bố mẹ anh **N** ngăn cản, không cho các cháu gọi điện hay nghe điện thoại của chị **C**. Do đó, chị **C** yêu cầu Tòa án giải quyết thay đổi người trực tiếp nuôi con đối với cháu **Nguyễn Yên N1** và không yêu cầu anh **N** cấp dưỡng nuôi con.

Hội đồng xét xử xét thấy: Nghĩa vụ trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên sau khi ly hôn Tòa án đã giao cho anh **Nguyễn Văn N**, nhưng anh **N** không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của mình mà vẫn để chị **C** trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Đến tháng 5/2024 anh **N** mới

đưa các con về ở với ông bà nội ở Nam Định và gia đình anh **N** lại cản trở, không cho các con liên lạc với chị **C** là vi phạm quy định tại khoản 2 Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình. Việc gia đình anh **N** cản trở, không cho chị **C** thăm nom, liên lạc với các con là vi phạm pháp luật, gây ảnh hưởng đến tâm lý và sự phát triển bình thường của con, chưa đảm bảo lợi ích của con. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã triệu tập anh **N** nhiều lần nhưng anh **N** không đến Tòa án và không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của chị **C**. Thể hiện anh **N** không có thiện chí thể hiện nguyện vọng tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng cháu **N1**. Chị **C** có nơi ở và có thu nhập đảm bảo cho việc nuôi dưỡng con. Do vậy, để đảm bảo lợi ích của con và phù hợp với các quy định của pháp luật nên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị **C**, giao cháu **Nguyễn Yên N1** cho chị **C** trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Về cấp dưỡng: Do chị **C** không yêu cầu anh **N** phải cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

[3] Về án phí và quyền kháng cáo: Do yêu cầu của chị **C** được chấp nhận nên anh **N** phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn. Chị **C**, anh **N** có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

[4] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Yên là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 28; Điều 35; Điều 39; Điều 147; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị **Trương Thị C** về việc thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn.

Giao cháu **Nguyễn Yên N1**, sinh ngày 03 tháng 3 năm 2018 cho chị **Trương Thị C** trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu **N1** đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi. Anh **Nguyễn Văn N** không phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

2. Về án phí: Anh **Nguyễn Văn N** phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm về việc thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn. Trả lại cho chị **Trương Thị C** số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số AA/2023/0001865 ngày 17 tháng 6 năm 2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lục Yên.

3. Về quyền kháng cáo: Chị **Trương Thị C** và anh **Nguyễn Văn N** được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Yên Bái;
- VKSND huyện Lục Yên;
- Chi cục THADS huyện Lục Yên;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ; TA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Hà Thị Thu Hương